

Chọn 1 câu trả lời thích hợp nhất

Câu 174. Thần kinh hiển trong là nhánh cùng của :



a. Thần kinh chậu bẹn.

b. Thần kinh đùi. @

c. Thần kinh sinh dục đùi.

d. Thần kinh bì mông trên.

e. Thần kinh khoeo.

Câu 175. Thần kinh cảm giác da ở mặt ngoài và sau của 1/3 trên cẳng chân, đến cổ chân và gót.

a. Mác nông.

b. Hiển to.

c. Bắp chân. @

d. Đùi ngoài.

e. Gót trong.

Câu 176. Dải chậu chày nhận phần cân từ :

a. Cơ căng cân đùi. @

b. Cân nông.

c. Dây chằng bẹn.

d. Không phải các thành phần trên.

Câu 177. Giới hạn ngoài của tam giác đùi là :

a. Cơ may. @

b. Dây chằng bẹn.

c. Cơ khép nhỏ.

d. Cơ thắt lưng chậu.

e. Cân nông.

Câu 178. Bao đùi là phần tiếp theo của :

a. Cân nông.

b. Dải chậu chày.

c. Mạc ngang.@

d. Vách liên cơ trong.

e. Cân sàng.

Câu 179. Thành phần nào dưới đây không có trong ống cơ khép :

a. Thần kinh hiển.

b. Động mạch đùi.

c. Tĩnh mạch đùi.

d. Thần kinh dưới của cơ rộng trong.

e. Tĩnh mạch hiển.@

Câu 180. Tất cả các cơ dưới đây là cơ thuộc trực sau của khu đùi ngoài, ngoại trừ

a. Cơ mông lớn.

b. Cơ mông bé.

c. Cơ thấp.

d. Cơ bịt trong.@

e. Cơ căng cân đùi.

Câu 181. Thần kinh mông dưới là ngành trước của đám rối cùng, mang các sợi từ dây sống.

a. L3, L4, L5.

b. L4, L5, S1.

c. L5, S1, S2.@

d. S1, S2, S3.

e. S2, S3, S4.

Câu 182. Cơ dài nhất của cơ thể là cơ :

a. Vuông đùi.

b. Bụng chân.

c. May.@

d. Bịt trong.

e. Bịt ngoài.

Câu 183. Tất cả các cơ dưới đây được chi phối bởi thần kinh bịt, ngoại trừ :

a. Cơ thon.

b. Cơ lược.@

c. Cơ bịt ngoài.

d. Cơ khép nhỏ.

e. Cơ khép lớn.

Câu 184. Động mạch nào sau đây không phải là nhánh bên của động mạch đùi :

a. Động mạch thượng vị nông.

b. Động mạch gối xuống.

c. Động mạch thẹn ngoài sâu.

d. Động mạch bắp chân.@

e. Động mạch mũ chậu nông.

Câu 185. Thần kinh đùi được tạo thành từ ngành trước của :

a. L1-L2-L3.

b. L2-L3-L4.@

c. L3-L4-L5.

d. L4-L5-S1.

e. S1-S2-S3.

Câu 186. Một tổn thương vào mép bên ngoài của máng nhị đầu có khả năng gây tổn thương lớn nhất cho dây thần kinh :

a. Mác chung. @

b. Chày.

c. Ngồi.

d. Bịt.

e. Đùi.

Câu 187. Tất cả các cơ dưới đây thuộc khu cẳng chân trước, ngoại trừ :

a. Cơ chày trước.

b. Cơ duỗi dài ngón cái.

c. Cơ duỗi chung ngón chân.

d. Cơ mác dài.

e. Cơ mác ngắn. @

Câu 188. Phần lớn bắp chân được tạo thành do cơ :

a. Mác dài.

b. Sinh đôi.

c. Khoeo. @

d. Chày trước.

e. Gấp dài các ngón cái.

Câu 189. Các cơ của khu sau, lớp lông của cẳng chân đều bám xương :

a. Chày.

b. Mác.

c. Sên.

d. Gót. @

e. Nguyệt.

Câu 190. Xương chày được cốt hoá từ trung tâm :

a. 1.

b. 2.

c. 3.@

d. 4.

e. 5.

Câu 191. ở nam sự hợp nhất các đầu xương của chi dưới vào lúc :

a. 6 tháng tuổi.

b. 4 năm tuổi.

c. 8 năm 6 tháng tuổi.

d. 10 năm 6 tháng tuổi.

e. 16 năm 6 tháng tuổi. @

Câu 192. Mạc sâu bọc đùi gọi là :

a. Mạc căng.@

b. Mạc Dartos.

c. Mạc thắt lưng.

d. Mạc Camper.

e. Mạc Scarpa.

Câu 193. Thần kinh hiển chạy từ sâu ra nông giữa các cơ :

a. Cơ bịt trong và bịt ngoài.

b. Cơ móng nhớ và móng ngoài.

c. Cơ móng bé và cơ may.

d. Cơ may và cơ thon.@

e. Cơ tháp và cơ may.

Câu 194. Nền của tam giác đùi tạo bởi :

a. Cơ may.

b. Cơ khép nhỏ.

c. Dây chằng bên.@

d. Gai mu.

e. Không thành phần nào kể trên.

Câu 195. Trong bao đùi tĩnh mạch đùi nằm.....so với động mạch đùi :

a. Ngoài.

b. Trong. @

c. Trước.

d. Sau.

e. Không ở trong bao đùi.

Câu 196. Cơ thẳng đùi tham gia động tác.....gối :

a. Khép.

b. Dạng.

c. Gấp.

d. Duỗi. @

e. Xoay.

Câu 197. Khi ngồi trọng lượng cơ thể dồn vào :

a. Cung mu.

b. ụ ngồi. @

c. Ngành ngồi mu.

d. Thân xương ngồi.

e. Thân xương mu.

Câu 198. Thần kinh bịt mang các sợi từ ngành trước của thần kinh sống :

- a. T12-L1-L2.
- b. L1-L2-L3.
- c. L2-L3-L4. @
- d. L3-L4-S1.
- e. Tất cả đều không đúng.

Câu 199. Chức năng chính của động mạch mũ đùi sau là cấp máu cho :

- a. Cơ mông lớn.
- b. Cơ mông bé.
- c. Các gân cơ khoeo.
- d. Đầu và cổ xương đùi. @
- e. Không cơ nào kể trên.

Câu 200. Dây chằng bên trong của khớp gối bám từ lõi cầu xương đùi đến :

- a. Lõi cầu ngoài xương đùi.
- b. Lõi cầu trong xương đùi. @
- c. Bao khớp.
- d. Cổ xương mác.
- e. Cổ xương chày.

Câu 201. Mặt dưới xương chày tạo rộng rãnh thành mặt đệm cho :

- a. Xương gót.
- b. Xương đùi.
- c. Xương đậu.
- d. Xương sên. @
- e. Xương mác.

Câu 202. Để bộc lộ được động mạch chày trước thì phải tách cơ :

- a. Chày trước. @
- b. Duỗi ngắn ngón chân.
- c. Duỗi ngắn ngón cái.
- d. Duỗi dài ngón chân.
- e. Mông lớn.

Câu 203. Thần kinh mác sâu đi cùng với động mạch.....qua cẳng chân.

- a. Cung
- b. Mu chân.
- c. Đùi.
- d. Hiên.
- e. Chày trước.@

Câu 204. Cơ duỗi đùi chủ yếu là cơ :

- a. Mông lớn.@
- b. Thất lưng lớn.
- c. Chậu.
- d. Bật ngoài.
- e. Thấp.

Câu 205. Cơ nào dưới đây được gọi là cơ “ dài bằng” :

- a. Cơ khép dài.
- b. Cơ mông lớn.
- c. Cơ thất lưng lớn.
- d. Cơ thấp.
- e. Cơ may.@

Câu 206. Cơ tứ đầu đùi được hợp thành từ các cơ dưới đây, ngoại trừ :

- a. Cơ thẳng đùi.
- b. Cơ thon. @
- c. Cơ rộng ngoài.
- d. Cơ rộng giữa.
- e. Cơ rộng trong.

Câu 207. Động tác nào dưới đây không phải là động tác của cơ thon :

- a. Khép đùi.
- b. Gấp căng chân.
- c. Duỗi đùi. @
- d. Xoay đùi ra ngoài.
- e. Tất cả các động tác trên.

Câu 208. Hố kheo được giới hạn dưới bởi :

- a. Cơ sinh đôi. @
- b. Cơ bán gân.
- c. Cơ bán mạc.
- d. Cơ nhị đầu đùi.
- e. Cơ may.

Câu 209. Tất cả các cơ sau đây ở mu chân, ngoại trừ :

- a. Cơ tứ đầu đùi. @
- b. Cơ chày trước.
- c. Cơ duỗi dài ngón chân.
- d. Cơ mác 3.
- e. Cơ duỗi dài các ngón.

Câu 210. Động mạch thẹn ngoài xuất phát từ động mạch :

- a. Thượng vị nông.
- b. Mũ chậu nông.
- c. Bẹn.
- d. Chậu thất lưng.
- e. Đùi.@

Câu 211. Động mạch mạc xuất phát từ động mạch :

- a. Chầy trước.
- b. Chầy sau.@
- c. Khoeo.
- d. Đùi.
- e. Nuôi xương chày.

Câu 212. Thần kinh bì chi phối mặt ngoài đùi xuất phát từ dây thần kinh sống :

- a. L2-L3.@
- b. L3-L4.
- c. L5-S1-S2.
- d. L4-L5-S1.
- e. S1-S2.

Câu 213. Thần kinh bì chi phối cho gan chân xuất phát từ dây thần kinh sống :

- a. L4.
- b. L5.
- c. S1
- d. S2.
- e. Tất cả các dây nêu trên.@

Câu 214. Động mạch gối xuống là ngành cùng của động mạch :

- a. Khoeo.
- b. Chầy sau.
- c. Đùi.@
- d. Thượng vị nông.
- e. Chầy trước.

Câu 215. Thành phần nông nhất trong hố khoeo là :

- a. Tĩnh mạch khoeo.
- b. Động mạch khoeo.
- c. Động mạch sâu.
- d. Thần kinh chày.@
- e. Động mạch chày sau.

Câu 216. Các động mạch bắp chân xuất phát từ động mạch :

- a. Khoeo. @
- b. Chầy trước.
- c. Chầy sau.
- d. Đùi.
- e. Đùi sâu.

Câu 217. Cung cơ khép bắt đầu ở đỉnh của :

- a. Hố khoeo.
- b. Ống bẹn.
- c. Tam giác đùi.@
- d. Khuyết ngồi.
- e. Lỗ hiển.

Câu 218. Chỉ có một dây thần kinh của chi dưới, có thể xác định đúng vị trí bằng sờ nắn là dây.....khi nó vòng quanh phía ngoài cơ xương mác :

- a. Thần kinh đùi.
- b. Thần kinh ngồi.
- c. Thần kinh mác chung.@
- d. Thần kinh chày trước.
- e. Thần kinh hiển.

Câu 219. Bám vào hố ngón tay xương đùi là :

- a. Dây chằng ổ cối. @
- b. Cản galia.
- c. Đường ráp.
- d. Dây chằng lược.
- e. Dây chằng cùng ụ ngồi.

Câu 220. Đường bám của cơ vuông đùi trên xương đùi còn là chỗ bám của :

- a. Cơ tháp.
- b. Cơ thắt lưng lớn.
- c. Cơ mông nhỏ.
- d. Tất cả các cơ kể trên.
- e. Không phải các cơ kể trên.@

Câu 221* Xương đùi được cốt hoá từ.....trung tâm.

- a. 1.
- b. 2.
- c. 3.
- d. 4.
- e. 5.@

Câu 222. Xương bánh chè tiếp khớp với xương :

- a. Đùi.@
- b. Chày.
- c. Mác.
- d. Đùi và mác.
- e. Chày và mác.

Câu 223. Có.....xương cổ chân, xương lớn nhất là :

- a. 5- xương sên.
- b. 7- xương gót.@
- c. 7- xương hộp.
- d. 5- xương thuyền.
- e. 7- xương sên.

Câu 224. Xương sên khớp với tất cả các xương dưới đây, ngoại trừ :

- a. Xương chày.
- b. Xương mác.
- c. Xương gót.
- d. Xương ghe.
- e. Xương hộp.@

Câu 225. Xương gót tiếp khớp với :

- a. Xương chày.
- b. Xương mác.
- c. Xương hộp.@
- d. Xương thuyền.
- e. Xương chêm.

Câu 226. Câu nào dưới đây không phải là đặc điểm của xương gót :

- a. Rất dày.
- b. Dài nhất trong các xương cổ chân.@
- c. Thân rất khỏe.
- d. Đầu rộng.
- e. Phía trong là chỗ bám của gân cơ chày trước.

Câu 227. Tĩnh mạch hiển lớn :

- a. Là tĩnh mạch dài nhất của cơ thể.
- b. Nằm bên ngoài so với thần kinh đùi bì trước ở đùi.
- c. Đổ vào tĩnh mạch đùi.
- d. Cả 3 câu trên đều đúng.@
- e. Cả 3 câu trên đều sai.

Câu 228. Tất cả các đặc điểm dưới đây là của nhánh đùi của thần kinh sinh dục đùi, ngoại trừ :

- a. Xuất phát từ đám rối thắt lưng.
- b. Chi phối cho da phủ tam giác đùi.
- c. Xuyên qua bao đùi.
- d. Đi xuống đùi ở trước dây chằng bẹn. @
- e. Nối với các nhánh bì trước ở dây thần kinh đùi.

Trả lời các câu dưới đây theo hướng dẫn sau :

- a. Nếu a đúng.
- b. Nếu b đúng.
- c. Nếu a và b đúng.
- d. Nếu a và b sai.

Câu 229. Cơ nổi lên ở mặt trước của đùi là :

- a. Cơ tứ đầu đùi.
- b. Cơ may.
- c. Cả hai cơ trên. @
- d. Không phải hai cơ trên.

Câu 230. Sự nổi nên của mông là do :

- a. Cơ mông lớn.@
- b. Cơ mông bé.
- c. Cả hai cơ trên.
- d. Không phải hai cơ trên.

Câu 231. Cung cơ khép :

- a. Ở 1/3 dưới của đùi.
- b. Bắt đầu ở đỉnh tam giác đùi. @
- c. Cả 2 đúng.
- d. Cả 2 sai.

Câu 232. Trong hố khoeo có :

- a. Động mạch khoeo.@
- b. Thần kinh khoeo.
- c. Cả 2 thành phần trên.
- d. Không phải 2 thành phần trên.

Câu 233. Bám vào đỉnh mấu chuyển bé xương đùi là :

- a. Cơ tứ đầu đùi.
- b. Cơ may.
- c. Cả hai cơ trên.
- d. Không phải hai cơ trên.@

Câu 234. Có các nguyên uỷ từ xương bánh chè là :

- a. Cơ thắt lưng.
- b. Cơ chày trước.
- c. Cả hai cơ trên.
- d. Không phải hai cơ trên.@

Câu 235. Xương sên :

- a. Là xương lớn nhất ở cổ chân.
- b. Đỡ dưới xương chày.@
- c. Có 2 đặc điểm trên.
- d. Không có 2 điểm trên.

Câu 236. Xương gót :

- a. Tạo nên gót chân.
- b. Là cái đòn bẩy cho cơ sinh đôi.
- c. Có 2 đặc điểm trên.@
- d. Không có 2 điểm trên.

Câu 237. Dây chằng bánh chè :

- a. Là phần gân chung của cơ tứ đầu đùi.
- b. Bám từ xương bánh chè đến xương chày.
- c. Có 2 đặc điểm trên.@
- d. Không có 2 điểm trên.

Câu 238. Động tác của khớp gối là :

- a. Xoay.
- b. Gấp.
- c. Cả 2 động tác trên.

d. Không phải 2 động tác trên.@

Câu 239. Nơi gián đoạn hiển (hố bầu dục) :

a. Là lỗ bầu dục của mạc đùi ở phía trước đùi.@

b. Kết thúc ở dây chằng bẹn.

c. Có 2 đặc điểm trên.

d. Không có 2 điểm trên.

Câu 240. Cơ thon :

a. Làm dạng đùi.

b. Chi phối bởi thần kinh đùi.

c. Có cả 2 đặc điểm trên.

d. Không có 2 đặc điểm trên.@

Câu 241. Gân Achille :

a. Là gân chung của cơ bẹn chân và cơ dẹt.@

b. Bám vào xương sên.

c. Có cả 2 đặc điểm trên.

d. Không có 2 đặc điểm trên.

Câu 242. Cơ khoeo.

a. Gấp căng chân và xoay vào trong.

b. Được chi phối bởi một nhánh của thần kinh chày.

c. Có cả 2 đặc điểm trên.@

d. Không có 2 đặc điểm trên.

Câu 243. Các nhánh của động mạch đùi là :

a. Thượng vị nông.

b. Gối xuống.

c. Cả 2 nhánh kể trên.@

d. Không phải 2 nhánh kể trên.

Câu 244. Khớp hông :

a. Là khớp chỏm cầu điển hình.

b. Có các cử động : trượt, xoay, quay.

c. Có cả 2 đặc điểm trên.@

d. Không có 2 đặc điểm trên.

Câu 245. Khớp gối :

a. Có cử động giống khớp hông.@

b. Là khớp lớn thứ hai sau khớp hông.

c. Cả hai ý đều đúng.

d. Cả hai ý đều sai.

Câu 246. Liên quan của động mạch đùi ở :

a. Phía ngoài là tĩnh mạch đùi.

b. Phía trong là thần kinh đùi.

c. Cả hai ý đều đúng.@

d. Cả hai ý đều sai.

Câu 247. Giới hạn của ống đùi ở :

a. Trước là cơ quay.

b. Sau là cơ khép nhỏ và cơ khép lớn.

c. Cả hai ý đều đúng.

d. Cả hai ý đều sai.@

Câu 248. Các vòng nối động mạch quanh khớp gối có sự tham gia của :

a. Vòng nối quanh khoeo có động mạch chày sau.@

b. Vòng nổi trên trong gối có động mạch chảy trước.

c. Cả hai ý đều đúng.

d. Cả hai ý đều sai.

Câu 249. Động mạch mu cổ chân có đặc điểm :

a. Là sự tiếp theo của động mạch chảy sau.

b. Không có nhánh bên ở bàn chân.

c. Cả hai đặc điểm trên đều đúng.

d. Cả hai đặc điểm trên đều sai. @

Câu 250. Các tĩnh mạch nông của chi dưới có đặc điểm :

a. ở nông so với mạc sâu.@

b. Không có van.

c. Cả hai ý đều đúng.

d. Cả hai ý đều sai.

Câu 251. Các tĩnh mạch sâu của chi dưới có đặc điểm :

a. Đi kèm động mạch.

b. Có van.

c. Có cả 2 đặc điểm trên.@

d. Không có 2 đặc điểm trên.

Câu 252. Các hạch bạch huyết nông ở bẹn nhận bạch huyết dưới da của vùng :

a. Bẹn ngoài.

b. Mông.

c. Cả hai vùng trên.@

d. Không phải hai vùng trên.

Câu 253. Thần kinh chi phối cho da gan chân có nguồn gốc từ dây sống :

- a. L2-L3.
- b. L4-L5.@
- c. Cả hai câu trên.
- d. Không phải hai câu trên.

Chọn:

- a. Nếu 1, 2,3 đúng
- b. Nếu 1, 3 đúng
- c. Nếu 2, 4 đúng
- d. Nếu chỉ có 4 đúng
- e. Nếu cả 1, 2, 3, 4 đều đúng

Câu 254. Ngang mức d/c bên a

1. ĐM đùi nằm trong thân kinh đùi và cách ĐM đùi bởi cung chậu lược
2. Trong ống cơ khép, ĐM đùi đi cùng với TM đùi, TK cho cơ rộng trong và TK hiển
3. ĐM đùi cho nhánh ĐM đùi sâu đi ở boè trên cơ khép dài
4. Chỉ có ĐM đùi sâu mới cung cấp máu cho cơ ở vùng đùi

Câu 255. Thần kinh ngồi: b

1. Xuất phát từ nhánh trước TK thắt lưng 4, 5 và cùng 1, 2, 3
2. ở vùng mông luôn luôn đi dưới cơ hình lê
3. Thường đến trám kheo thì chia thành 2 nhánh TK chày và TK mác chung
4. Chi phối vận động cho tất cả các cơ ở chi dưới
5. Không cho nhánh cảm giác nào ở vùng mông hay vùng đùi sau

Câu 256. d

1. ĐM kheo là tiếp nối của ĐM đùi sau khi ĐM này đi qua góc trên của trám kheo
2. ĐM mũ mác là nhánh của ĐM mác
3. TK ngồi đến góc trên (đỉnh) trám kheo thì chia thành TK chày và TK mác chung

4. TK mác chung ở trám kheo đi dọc bờ trong cơ bán gân và bán màng

Câu 257. ở bàn chân: a

1. Cơ vùng gan chân chia làm 3 ô như ở gan tay nhưng xếp làm 4 lớp
2. Không có cơ đối ngón cái và đối ngón út
3. Các gân cơ ở gan chân góp phần tạo nên vòm dọc gan chân
4. TK gan chân ngoài có chức năng vận động cơ tương tự TK giữa ở gan tay

Câu hỏi cơ bản về một trường hợp bệnh. Chọn 1 câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi.

* Một công nhân 26 tuổi bị một vết rách sâu ở giữa bắp chân phải do máy cắt tốc độ cao gây ra. Đã được sơ cứu bằng đặt ga rô đùi phải và băng ép cầm máu. Bệnh nhân được chuyển đến một bệnh viện gần đó, nhưng bị mất rất nhiều máu trong khi vận chuyển. Tại phòng cấp cứu anh ta đã được truyền 2 đơn vị máu và thắt động mạch chày trước. Kiểm tra thêm còn thấy thần kinh chày trước bị tổn thương hoàn toàn. Bệnh nhân được cứu sống.

Câu 258. Để thắt được động mạch (đoạn phía dưới nguyên uỷ của động mạch mác) các cơ cần phải tách ra là :

- a. Các cơ duỗi gối và các cơ duỗi gan chân.
- b. Các cơ gấp gối và các cơ duỗi gan chân.
- c. Các cơ duỗi gối và các cơ gấp gan chân.
- d. Các cơ gấp gối và các cơ gấp gan chân.@
- e. Không phải các cơ kể trên.

Câu 259. Các thành phần nằm ở chỗ tổn thương nói trên là :

- a. Tĩnh mạch hiển lớn.
- b. Cơ dẹt.
- c. Các mạch máu của bắp chân.
- d. Thần kinh chày.
- e. Tất cả các thành phần kể trên.@

Câu 260. Hậu quả của việc thắt động mạch chày sau là :

- a. Không gây hoại thư.
- b. Có thể gây hoại thư.
- c. Hiếm khi gây hoại thư.
- d. Hoại thư xảy ra trên diện nhỏ.
- e. Hoại thư xảy ra trên diện rộng.@

Câu 261. Tổn thương dây thần kinh chày nói trên sẽ gây hậu quả mất chi phối cho

- a. Cơ chày sau.
- b. Cơ dẹt.
- c. Cơ gấp dài ngón chân.
- d. Không cơ nào kể trên.
- e. Tất cả các cơ kể trên.
- f. Tất cả các cơ kể trên và các cơ khác.@

Câu 262. Mất cảm giác da sẽ gây ra ở :

- a. Phía trong và mặt dưới của gót chân.@
- b. Phía ngoài và mặt dưới của gót chân.
- c. Gan bàn chân.
- d. Mu chân và ngón cái.
- e. Không mất cảm giác.

Chọn:

- a. Nếu (A) đúng, (B) đúng, (A) và (B) có liên quan nhân quả.
- b. Nếu (A) đúng, (B) đúng; (A) và (B) không liên quan nhân quả
- c. Nếu (A) đúng, (B) sai
- d. Nếu (A) sai, (B) đúng
- e. Nếu (A) sai, (B) sai

Câu 263. a

- (A) Xương chày rất dễ bị chấn thương, và khi phẫu thuật xương cũng khó lành vì
- (B) Xương có bờ trước và mặt trong nằm sát ngay dưới da

Câu 264. b

- (A) Vùng tiêm mông an toàn là ở 1/4 trên ngoài của mông VI
- (B) Vùng này có bó mạch thần kinh mông trên

Câu 265. a

- (A) Vùng tiêm mông an toàn là ở 1/4 trên ngoài của mông VI
- (B) Vùng này không có thần kinh ngồi và mạch máu lớn đi qua

Câu 266. a

- (A) Tiêm tĩnh mạch ở mắt cá thường chọn tĩnh mạch hiển lớn VI
- (B) Tĩnh mạch hiển lớn to dễ bộc lộ và nằm ngay trước mắt cá trong

Câu 267. d

- (A) Tiêm tĩnh mạch thường chọn tĩnh mạch hiển bé VI
- (B) Tĩnh mạch hiển bé nằm ngay sau mắt cá ngoài

Câu 268. d

- (A) Khi đứt dây chằng chéo trước, thăm khám khớp gối sec có dấu hiệu ngăn kéo sau (khi gấp gối, có thể đẩy đầu tròn xương chày trượt ra sau quá mức, VI)
- (B) Dây chằng chéo trước căng từ vùng gian lồi cầu trước xương chày đến sau trên lồi cầu ngoài xương đùi

Câu 269. a

- (A) Người ta có thể dùng ĐM đùi làm mốc để chọc dò TM đùi ở ngay dưới dây chằng bẹn, VI
- (B) ĐM đùi nằm sát ngay bên ngoài TM đùi

Câu 270. d

- (A) TK mông trên bị tổn thương tại nơi xuất phát sẽ làm mất động tác dạng, xoay đùi và duỗi đùi, VI

(B) TK mông trên vận động cho cơ mông nhỡ, cơ mông bé, cơ căng mạc đùi và cơ hình lê

Câu 271. d

(A) Khi tổn thương TK chày ở kheo thì bàn chân ở tư thế duỗi Vì

(B) TK chày chi phối vận động cho các cơ khu cẳng chân sau

Câu 272. a

(A) Cơ mác dài có tác dụng quan trọng trong việc giữ vững vòm ngang gan chân, Vì

(B) Cơ mác dài khi xuống bàn chân, băng qua gan chân để đến bám tận vào xương chêm tong và nền xương đốt bàn I

Câu 273: a

(A) Khi bó bột vùng cẳng chân cần chú ý tránh bó chặt và phải bọc lót tốt vùng chỏm mác, Vì

(B) Có TK mác chung vòng quanh và áp sát chỏm mác

Câu 274. a

(A) Khi đứt ĐM chày sau, có thể gây chèn ép các cơ lớp sâu vùng cẳng chân sau, tạo nên hội chứng ép khoang, Vì

(B) ĐM chày sau nằm trong một khoang, được giới hạn bởi màng gian cốt, 2 xương cẳng chân và mạc sâu cẳng chân

Câu 275. c

(A) Cơ vuông gan chân có tác dụng chỉnh lại hướng tác dụng của cơ gấp các ngón dài, Vì

(B) Cơ này bám từ mỏm trong và mặt trong củ gót đến cạnh ngoài của gân cơ gấp các ngón chân dài

Câu 276. b

(A) Người ta thường ví TK gan chân ngoài như TK trụ ở gan tay, Vì

(B) TK gan chân ngoài có đường đi gần giống TK trụ ở gan tay

Câu 277. b

(A) Xương đùi là xương dài và to nhất của bộ xương. Bởi vì

(B) Nó chuyển trọng lượng cơ thể từ xương hông đến xương chày.

Câu 278. c

(A) Xương bánh chè là xương vùng. Bởi vì

(B) Sự cốt hoá đã được hình thành từ lúc trẻ.

Câu 279. c

(A) Trong động tác ấn động mạch đùi để cầm máu tạm thời cần phải tránh ấn cả vào tĩnh mạch đùi. Bởi vì

(B) Trong ống đùi tĩnh mạch đùi nằm ngoài động mạch đùi.

Câu 280. b

(A) Động mạch khoeo là sự tiếp theo của động mạch đùi. Bởi vì

(B) Nó chạy qua hố khoeo.

Câu 281. a

(A) Trừ trường hợp quá cần thiết, còn không nên thắt động mạch chày trước. Bởi vì

(B) Sự hoại tử sẽ xảy ra trên diện rộng dưới chỗ thắt.

Câu 282. e

(A) Động mạch mu cổ chân là sự tiếp theo của động mạch chày sau. Bởi vì

(B) Nó không có nhánh bên ở bàn chân.

Câu 283. d

(A) Tĩnh mạch hiển lớn đi qua phía sau lồi cầu ngoài. Bởi vì

(B) Nó là tĩnh mạch nông của chi dưới.

Câu 284. b

(A) Đám rối bạch huyết dưới da lòng bàn chân phong phú nhất ở chi dưới. Bởi vì

(B) Giống như ở chi trên.

Câu 285. a

(A) Sự nhiễm trùng khớp gối có thể được biểu hiện bằng sưng hạch bẹn. Bởi vì

(B) Một số mạch bạch huyết nông đi từ tĩnh mạch hiển trong đến kết thúc ở các hạch này.

Câu 286. e

(A) Thần kinh ngón chân chạy dọc theo mu các ngón chân. Bởi vì

(B) Chúng nằm sau các động mạch tương ứng.

Câu 287.b

(A) Thần kinh mác chung chạy xuống theo bờ sau của nhị cơ đầu đùi. Bởi vì

(B) Nó ra khỏi trám khoeo ở góc ngoài.

Câu 288. c

(A) Điểm tương đồng của đám rối thần kinh cánh tay và đám rối cùng là sự phân bố các dây thần kinh. Bởi vì

(B) Dây thần kinh giữa chi phối bởi các cơ ở cổ và gan tay, nhưng thần kinh hông to không chi phối cho gan chân.

Câu 289. e

(A) Trong thời kỳ phôi thai, chi dưới phát triển trước chi trên. Bởi vì

(B) Sau khi sinh chi trên phát triển chiều dài nhanh hơn chi dưới.

Câu 290. e

(A) Xương hông có thể xem như chỉ có hai xương cánh chậu và ngồi. Bởi vì

(B) Xương mu không tham gia tạo nên ổ cối.

Câu 291. c

(A) Khuyết ngồi lớn của xương đùi bị biến thành một lỗ. Bởi vì

(B) Nó cho thần kinh và động mạch đùi chui qua.

Câu 292. b

(A) ụ ngồi nâng đỡ cơ thể trong tư thế ngồi. Bởi vì

(B) ở tư thế đứng nó được bám bởi gờ dưới cơ mông to.

Câu 293. c

(A) Xương chày truyền trọng lượng cơ thể xuống bàn chân. Bởi vì

(B) Nó là xương lớn nhất của bộ xương.

Câu 294.b

(A) ở người xương mác có thể được xem như xương thừa. Bởi vì

(B) Tham gia tạo thành khớp “ mắt cá” nhưng không tham gia khớp gối.

Câu 295. a

(A) Trong gãy cẳng chân xương mác thường gãy làm nhiều đoạn hơn xương chày. Bởi vì

(B) Xương mác gấp góc hơn xương chày.

Câu 296*d

(A) Xương sên được cốt hoá từ 4 trung tâm. Bởi vì

(B) Nó tiếp khớp với 4 xương.

Câu 297. a

(A) Xương gót là xương di động nhất trong các xương cổ chân. Bởi vì

(B) Nó là xương ngắn nhất, dày nhất, khoẻ nhất và to nhất.

Câu 298. b

(A) Sụn viền làm cho ổ cối sâu, bọc được chỏm cầu. Bởi vì

(B) Khớp hông cho phép làm các động tác trượt xoay và quay tròn.

Câu 299. a

(A) Sụn chêm trong của khớp gối hay bị bật sang bên hơn. Bởi vì

(B) Nó được cố định chắc và phản ứng mạnh hơn đối với tổn thương.

Câu 300a

(A) Nếu có nhiễm trùng ở đầu mũi thường không thoát được ra ngoài. Bởi vì

(B) Mạc đầu rất dày và chắc.

Câu 301. c

(A) Cơ thon, cơ lược, cơ khép lớn và cơ bịt ngoài đều là cơ khép đùi. Bởi vì

(B) Tất cả đều được chi phối bởi thần kinh bịt.